

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 5 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**Kết quả phòng, chống bệnh Lở mồm long móng gia súc**  
**giai đoạn 2016 - 2020**

Thực hiện Văn bản số 271/BNN-TY ngày 09/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức triển khai thực hiện và tổng kết Chương trình Quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh báo cáo và đề xuất như sau:

**I. TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI GIA SÚC VÀ DỊCH BỆNH LMLM TẠI HÀ TĨNH  
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

**1.1. Tình hình chăn nuôi gia súc giai đoạn 2016 - 2020:**

**1.1.1. Đặc điểm và tình hình chăn nuôi:**

- Tổng đàn (thời điểm 30/3/2020): Lợn 362.638, giảm 25%; Bò: 168.249 con, giảm 25%; Trâu 66.328 con, giảm 22%; Dê 17.200 con, tăng 8% so với năm 2016 (*Chi tiết kèm theo bảng 1*).

- Quy mô chăn nuôi: Chăn nuôi lợn quy mô trại tăng từ 35,6% (năm 2016) lên 51% hiện nay. Trong đó, có 37 cơ sở lợn nái quy mô từ 300 con trở lên và 144 cơ sở lợn thịt theo hình thức nuôi gia công với các công ty. Chăn nuôi lợn quy mô nông hộ nhỏ lẻ giảm, với gần 26.000 hộ, có tổng đàn chiếm khoảng 49% tổng đàn lợn.

Chăn nuôi trâu, bò: Giai đoạn 2016 - 2020 giảm, bình quân (-2,7%/năm), chủ yếu nông hộ, nhỏ lẻ (1-5 con/hộ); tỷ lệ đàn bò lai đạt trên 50%, phương thức chăn nuôi có nhiều chuyển biến theo hướng nuôi kiêm dụng sang nuôi bán thâm canh, nuôi bò nhốt (quy mô từ 10 con, có khoảng 600 mô hình); trang trại bò quy mô lớn có: bò sữa Vinamilk (quy mô 2.186 con), bò sữa Khánh Giang (quy mô 200 con), bò thịt Mitraco (quy mô 500 con).

Chăn nuôi dê: Có tốc độ tăng trưởng khá cao, trong giai đoạn 2016-2017 đạt bình quân 10,6%/năm, chủ yếu nuôi tại các nông hộ với quy mô phổ biến dưới 50 con chăn thả.

**1.1.2. Nhận định về xu hướng tình hình chăn nuôi của địa phương:**

- Trong giai đoạn tiếp theo, chăn nuôi phát triển theo hướng trang trại, ứng dụng công nghệ cao, gắn các chuỗi liên kết; giảm dần tỷ trọng chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ và từng bước tổ chức lại theo hướng có kiểm soát, đảm bảo an toàn sinh học trong chăn nuôi, an toàn dịch bệnh.

- Tiếp tục phát triển bền vững quy mô đàn: Lợn có tổng đàn dao động khoảng 400.000 - 500.000 con. Trâu, Bò có tổng đàn dao động khoảng 300.000 - 400.000 con. Dê: tổng đàn dao động khoảng 20.000 - 30.000 con.

## **1.2. Kết quả xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh giai đoạn 2016 - 2020:**

### *1.2.1. Tình hình xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh:*

Tập trung xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh đối với cơ sở chăn nuôi tập trung có đủ điều kiện để cấp chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 12 cơ sở an toàn dịch bệnh đang còn hiệu lực

### *1.2.2. Những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp của địa phương:*

- Thuận lợi: Tỉnh có chính sách hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh (Chi phí lấy mẫu, xét nghiệm mẫu, phí thẩm định) để cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch: Mức 25 triệu đồng/bệnh, tối đa 50 triệu đồng/cơ sở; các trang trại chăn nuôi có ý thức, ý nghĩa việc xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Khó khăn: Diễn biến dịch bệnh trên địa bàn tỉnh và cả nước trong những năm gần đây hết sức phức tạp, do vậy, việc thực hiện xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh còn gặp nhiều khó khăn.

## **1.3. Tình hình dịch bệnh LMLM giai đoạn 2016 - 2020:**

### *1.3.1. Đặc điểm tình hình dịch bệnh:*

Giai đoạn từ 2016-2020, dịch LMLM súc đã làm cho 6.537 con gia súc mắc bệnh tại 111 xã, phường, thị trấn thuộc 13 huyện, thành phố, thị xã, trong đó chết, buộc phải tiêu hủy 3.572 con, khối lượng 107,251 tấn.

*(Chi tiết kèm theo bảng 2)*

Qua xác định đặc điểm dịch tồ học thấy rằng dịch thường phát ra tại các địa phương có tỷ lệ tiêm phong thấp, trên đàn gia súc ở phương thức chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ và chưa được tiêm phòng vắc xin; tại các khu vực có mật độ chăn nuôi cao, địa bàn miền núi có tập quán thả rông trâu bò, thiếu sự chăm sóc, quản lý, tại các nơi có chợ buôn bán, vận chuyển gia súc, các nơi có ổ dịch cũ.

### *1.3.2. Nhận định tình hình dịch từ năm 2016 - 2020 và dự báo tình hình dịch:*

Một số địa phương còn có tâm lý chủ quan với bệnh LMLM, công tác giám sát, báo cáo dịch có lúc còn chưa kịp thời, chưa tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp ngay từ khi dịch được phát hiện; Tỷ lệ tiêm phòng hằng năm cho đàn trâu bò còn đạt thấp so với tổng đàn; Dịch xảy ra trên đàn gia súc chăn nuôi nhỏ lẻ; công tác tiêu độc, khử trùng tại các địa phương thực hiện không đảm bảo theo quy định; Lưu lượng mua bán vận chuyển tăng tạo điều kiện cho mầm bệnh phát tán, bên cạnh đó thời tiết có những biến đổi bất lợi cho sức đề kháng của vật nuôi... nên nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh là rất cao.

## **II. CÁC NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH LMLM ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

### **2.1. Kết quả thông tin tuyên truyền:**

Công tác thông tin tuyên truyền được tăng cường, thực hiện các chuyên trang, tin bài, phóng sự; phát tờ rơi tuyên truyền công tác phòng, chống dịch bệnh. Nhận thức của người chăn nuôi về công tác phòng, chống dịch được nâng lên, nhiều mô hình chăn nuôi an toàn dịch được xây dựng.

## **2.2. Kết quả tiêm phòng vắc xin:**

Bình quân hàng năm tiêm được 266.554 con, đạt 70,12% Kế hoạch; tỷ lệ tiêm phòng bệnh LMLM cho đàn gia súc năm sau cao hơn năm trước 14-16% (riêng năm 2017 thấp hơn 10%) (*Chi tiết kèm theo bảng 3*).

## **2.3. Kết quả giám sát sau tiêm phòng vắc xin:**

Năm 2019 thực hiện lấy 160 mẫu giám sát sau tiêm phòng tại 8 xã thuộc 2 huyện vùng đệm và 2 huyện vùng khống chế (*Chi tiết kèm theo bảng 4*).

## **2.4. Kết quả giám sát lưu hành bệnh:**

Năm 2019 thực hiện lấy 118 mẫu giám sát lưu hành vi rút LMLM trên đàn lợn tại 4 huyện (*Chi tiết kèm theo bảng 5*).

## **2.5. Kết quả quản lý kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ:**

- Việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra ngoại tỉnh được thực hiện theo quy định tại Thông tư 25/TT-BNNPTNT (bình quân hàng năm cấp được 5.600 giấy chứng nhận kiểm dịch động vật và sản phẩm ra khỏi địa bàn tỉnh).

- Trên địa bàn tỉnh có 39 CSGM gia súc, với trên 1.000 người hành nghề giết mổ, 01 chợ buôn bán giết mổ gia cầm và 01 nhà máy chế biến súc sản. Số lượng gia súc giết mổ trong các cơ sở giết mổ tập trung bình quân trên ngày: Trâu, bò đạt tỷ lệ 75%; Lợn đạt tỷ lệ 66%.

- Hàng năm bình quân cấp 32.804 lít hóa chất để thực hiện vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật tại các chợ và tụ điểm buôn bán, nơi tập kết và các cơ sở giết mổ,....

## **2.6. Đánh giá kết quả thực hiện:**

### **2.6.1. Đánh giá về các giải pháp kỹ thuật đã thực hiện:**

- Công tác thông tin, tuyên truyền được tăng cường nêu nhận thức về nguy cơ, tác hại và các biện pháp phòng chống dịch bệnh của người chăn nuôi đã được chủ động, tích cực hơn.

- Khi có dịch bệnh xảy ra, UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở ngành liên quan tập trung triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch như: Thông tin tuyên truyền về tình hình dịch, nguy cơ, tác hại và hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; lập cam kết nuôi nhốt, cách ly gia súc mắc bệnh; kịp thời tiêu huỷ gia súc mắc bệnh theo quy định đảm bảo vệ sinh môi trường; tiêm phòng bao vây các ổ dịch; tiêu độc khử trùng vùng dịch và khu vực liên quan; lập các chốt kiểm dịch để ngăn chặn vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi vùng dịch... Nên các ổ dịch LMLM được phát hiện sớm, khống chế dập tắt ở diện hẹp, trong thời gian ngắn, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do dịch gây ra.

### **2.6.2. Đánh giá về các giải pháp quản lý hành chính đã thực hiện:**

- Hàng năm UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm nói chung và LMLM nói riêng nêu rõ các cấp

huyện, xã chủ động hơn trong phòng, chống dịch bệnh, hạn chế mức thấp nhất do dịch bệnh xảy ra.

- Khi phát hiện dịch bệnh xảy ra, trên cơ sở kết quả điều tra ổ dịch và quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn của Cục Thú y cơ quan chuyên môn tham mưu các biện pháp xử lý ổ dịch phù hợp với tình hình thực tế.

### *2.6.3. Những thuận lợi, khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất giải pháp khắc phục:*

- Thuận lợi:

+ Được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp, sở, ngành và liên quan công tác phòng chống dịch bệnh nói chung và bệnh LMLM nói riêng đã được bao vây, không kịp thời không để lây lan ra diện rộng. Ban hành các văn bản chỉ đạo, bồi cứu, hướng dẫn cụ thể các nội dung, giải pháp phòng, chống dịch LMLM.

+ Ngành chuyên môn đã tổ chức, kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương tổ chức, triển khai các biện pháp chống dịch như: Lấy mẫu bệnh phẩm xác định bệnh, hướng dẫn chăm sóc, chữa trị, cách ly xử lý gia súc mắc bệnh; tiêu độc, khử trùng; lập chốt kiểm dịch; tiêm phòng bao vây ổ dịch...

+ Tại các địa phương, khi có dịch xảy ra, đã huy động toàn bộ hệ thống chính trị, nhân lực, vật lực trong bao vây, dập dịch như: ban hành Quyết định công bố dịch, thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm ở các cấp, thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch theo quy định.

Nguồn vắc xin, hóa chất được cung ứng kịp thời để tổ chức tiêm phòng và vệ sinh tiêu độc khử trùng khẩn cấp chống dịch.

- Khó khăn:

+ Chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ còn chiếm tỷ lệ lớn; công tác thông tin tuyên truyền Luật Thú y và các chủ trương, quy định hiệu quả chưa cao, người chăn nuôi chưa nhận thức đầy đủ về công tác tiêm phòng, nguy cơ tác hại của dịch bệnh, các quy định về phòng, chống dịch bệnh.

+ Kết quả tiêm vắc xin phòng bệnh gia súc một số nơi còn đạt thấp so với tổng đàn, công tác tiêm phòng bổ sung cho gia súc chưa được thực hiện thường xuyên. Các địa phương chưa triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống dịch bệnh gia súc.

+ Lực lượng cán bộ thú y cấp huyện, xã tại một số địa phương thiếu và yếu, nên gặp nhiều khó khăn trong triển khai công tác giám sát dịch bệnh, thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch.

### *2.7. Tổng kinh phí của địa phương đã chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh giai đoạn 2016 - 2020:*

2.7.1. Kinh phí triển khai các hoạt động kỹ thuật: 22.403.526.778 đồng, trong đó: Thông tin tuyên truyền: 130.957.000 đồng; vắc xin: 22.089.219.778 đồng; giám sát sau tiêm phòng: 111.970.000 đồng, giám sát lưu hành bệnh: 101.380.000 đồng.

2.7.2. Kinh phí triển khai các hoạt động quản lý hành chính: 166.034.000 đồng.

### **III. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH LMLM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

#### **3.1. Mục tiêu:**

Chủ động giám sát, phát hiện sớm, thực hiện các biện pháp bao vây, khống chế kịp thời dịch bệnh, ngay khi mới phát sinh không để dịch lây lan ra diện rộng, hạn chế thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây ra, góp phần đảm bảo an toàn phát triển chăn nuôi.

#### **3.2. Các giải pháp kỹ thuật:**

##### **3.2.1. Thông tin tuyên truyền:**

Tiếp tục thực hiện công tác thông tin tuyên truyền; các chuyên trang, tin bài, phóng sự; phát tờ rơi tuyên truyền công tác phòng, chống dịch bệnh nhằm nâng cao nhận thức để người chăn nuôi chủ động, tích cực thực hiện các biện pháp phòng chống dịch; đặc biệt khi phát hiện dịch bệnh phải báo cáo kịp thời

##### **3.2.2. Tiêm phòng vắc xin:**

Hằng năm theo kế hoạch của tỉnh, tiến hành tiêm phòng vắc xin phòng bệnh LMLM định kỳ đúng quy trình, kỹ thuật; thường xuyên tiêm phòng bổ sung cho gia súc mới nhập đàn và hết thời gian miễn dịch.

##### **3.2.3. Giám sát sau tiêm phòng vắc xin:**

Thực hiện lấy mẫu giám sát sau mỗi đợt tiêm phòng để đánh giá đáp ứng miễn dịch từ đó đánh giá chất lượng của công tác tiêm phòng tại các địa phương.

##### **3.2.4. Giám sát lưu hành bệnh:**

Hằng năm thực hiện lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút tại cơ sở chăn nuôi và tại cơ sở giết mổ tập trung. Ngoài ra khi dịch bệnh xảy ra sữ tiến hành lấy mẫu để định type vi rút gây bệnh trên địa bàn tỉnh.

##### **3.2.5. Quản lý kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ:**

Tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát trong hoạt động giết mổ, nâng cấp các cơ sở giết mổ, buôn bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; phải kiểm soát chặt chẽ việc nhập giống vào địa bàn.

#### **3.3. Các giải pháp quản lý hành chính:**

Tập trung chỉ đạo các địa phương, cơ quan chuyên môn thực hiện các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho gia súc; tăng cường công tác giám sát dịch bệnh để phát hiện xử lý kịp thời các ổ dịch khi mới xuất hiện, không để dịch lây ra diện rộng; rà soát, nâng cao năng lực hệ thống thú y các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

#### **3.4. Kinh phí thực hiện:**

- Kinh phí của người dân: Người dân chi phí tiền công tiêm phòng 3.383.923.200 đồng.

- Kinh phí của địa phương

+ Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí mua vắc xin LMLM để tiêm phòng đối với đàn trâu bò của các hộ gia đình, cá nhân trong vùng đệm thuộc diện phải tiêm phòng bắt buộc.

+ Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí chỉ đạo tiêm phòng; kinh phí lấy mẫu giám sát.

- Dự toán kinh phí chi tiết cho các hoạt động, phòng, chống

+ Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí mua vắc xin LMLM để tiêm phòng đối với đàn trâu bò của các hộ gia đình, cá nhân trong vùng đệm thuộc diện phải tiêm phòng bắt buộc: 15.000.000.0000 đồng.

+ Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí chỉ đạo tiêm phòng; kinh phí lấy mẫu giám sát: 725.000.000 đồng.

### *3.4.3. Kinh phí Trung ương:*

- Nguồn kinh phí

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ địa phương mua vắc xin LMLM để tiêm phòng đối với đàn trâu, bò của các hộ gia đình, cá nhân trong vùng không chế thuộc diện tiêm phòng bắt buộc.

+ Kinh phí xét nghiệm mẫu giám sát chủ động và giám sát kháng thể sau tiêm phòng vắc xin LMLM tại vùng không chế và vùng đệm.

- Dự toán kinh phí chi tiết cho các hoạt động, phòng, chống

+ Kinh phí mua vắc xin LMLM để tiêm phòng đối với đàn trâu, bò của các hộ gia đình, cá nhân trong vùng không chế thuộc diện tiêm phòng bắt buộc: 13.324.197.600 đồng.

+ Kinh phí xét nghiệm mẫu giám sát chủ động và giám sát kháng thể sau tiêm phòng vắc xin LMLM tại vùng không chế và vùng đệm: 606.090.000 đồng.

## **3.5. Phân công trách nhiệm thực hiện:**

### *3.5.1. Người dân:*

- Không mua gia súc không rõ nguồn gốc về nuôi. Chỉ mua gia súc ở những nơi đảm bảo an toàn dịch bệnh, có kiểm dịch; gia súc giống mới mua về phải được nuôi cách ly trước khi nuôi chung với những gia súc khác sẵn có.

- Thường xuyên vệ sinh, tiêu độc, khử trùng dụng cụ, phương tiện và môi trường chăn nuôi, chấp hành nuôi giữ 21 ngày, khi gia súc bị bệnh LMLM theo cam kết.

### *3.5.2. Người buôn bán, vận chuyển, giết mổ:*

Chấp hành các quy định trong buôn bán, vận chuyển và giết mổ gia súc; đồng thời phải phối hợp với địa phương trong quá trình phòng chống dịch bệnh.

### *3.5.3. Chính quyền các cấp (xã, huyện, tỉnh):*

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống dịch gia súc, già cầm để bám sát địa bàn chỉ đạo chính quyền các địa phương và cơ quan

chức năng rà soát và giám sát dịch đến tận hộ chăn nuôi nhằm phát hiện sớm, xử lý kịp thời, dứt điểm; tuyệt đối không dấu dịch. Tổ chức cam kết, gắn thi đua và quy định rõ trách nhiệm trong các trường hợp báo cáo dịch không kịp thời, dấu dịch, để dịch xảy ra, làm lây lan dịch bệnh.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành chức năng, các tổ chức chính trị xã hội và chính quyền các địa phương trong chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch.

#### *3.5.4. Cơ quan chuyên môn thú y các cấp (xã, huyện, tỉnh):*

- Cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại vắc xin, hoá chất và vật tư dụng cụ phục vụ công tác phòng chống dịch; hướng dẫn việc sử dụng vắc xin tiêm phòng, hoá chất tiêu độc khử trùng và đánh dấu để quản lý gia súc mắc bệnh theo quy định;

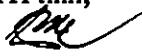
- Tiếp tục phân công tất cả cán bộ kỹ thuật bám sát cơ sở để hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ và kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch. Thường xuyên thông báo tình hình dịch và hướng dẫn người chăn nuôi chủ động thực hiện các biện pháp cấp bách phòng chống dịch;

- Tham mưu UBND các cấp thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh tại các địa phương và kiểm soát các hoạt động buôn bán, giết mổ gia súc trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tổng hợp tình hình, diễn biến, kết quả phòng chống, tồn tại vướng mắc và tham mưu, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Uỷ ban nhân dân, Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm các cấp để kịp thời chỉ đạo.

Trên đây là Báo cáo kết quả phòng, chống bệnh Lở mồm long móng gia súc giai đoạn 2016 - 2020, đề xuất giải pháp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

*Noi nhận:*

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Thú y;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chánh, PVP Nguyễn Duy Nghị;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NL. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Dặng Ngọc Sơn**

**Bảng 1: Bảng tổng hợp số liệu gia súc giai đoạn 2016 - 2020***(Kèm theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

TT	Tên huyện	Năm**	Tổng đàn (con)	Số trâu, bò (con)	Số bò (con)	Số lợn (con)	Số dê, cừu (con)
1	TP Hà Tĩnh						
		2016	12.154	547	3.518	8.089	
		2017	11.593	463	3.522	7.524	84
		2018	9.815	387	2.658	6.713	57
		2019	6.845	236	1.737	4.860	12
		2020	6.440	250	1.875	4.300	15
2	TX Hồng Lĩnh						
		2016	9.849	933	2.276	6.227	413
		2017	8.291	747	1.913	5.444	187
		2018	6.102	542	1.373	3.990	197
		2019	7.147	585	1.532	4.846	184
		2020	5.845	600	1.655	3.400	190
3	Hương Sơn						
		2016	54.043	4.463	21.223	28.163	194
		2017	39.819	4.692	11.414	23.373	340
		2018	36.229	4.063	12.562	18.470	1.134
		2019	91.314	5.017	24.890	61.025	382
		2020	99.482	19.193	19.626	60.355	308
4	Đức Thọ						
		2016	54.043	4.463	21.223	28.163	194
		2017	55.590	4.495	22.315	28.605	175
		2018	57.928	4.525	22.560	30.630	213
		2019	38.778	4.036	16.699	17.900	143
		2020	40.385	4.200	18.035	18.000	150
5	Vũ Quang						
		2016	39.819	4.692	11.414	23.373	340
		2017	43.524	4.323	11.445	27.410	346
		2018	41.091	4.031	10.114	26.440	506
		2019	40.850	4.437	9.456	26.197	760
		2020	44.170	4.700	10.210	28.500	760
6	Nghi Xuân						
		2016	36.229	4.063	12.562	18.470	1.134
		2017	35.839	3.658	12.197	18.601	1.383
		2018	32.364	3.238	9.709	18.457	960
		2019	30.946	2.354	9.130	18.677	785
		2020	33.060	2.500	9.860	19.900	800
7	Can Lộc						
		2016	91.314	5.017	24.890	61.025	382
		2017	78.097	4.358	24.270	49.104	365

TT	Tên huyện	Năm**	Tổng đàn (con)	Số trâu, bò (con)	Số bò (con)	Số lợn (con)	Số dê, cừu (con)
		2018	71.347	3.622	21.228	45.872	625
		2019	64.336	3.575	18.265	41.885	611
		2020	69.145	3.800	19.725	45.000	620
8	Hương Khê						
		2016	99.482	19.193	19.626	60.355	308
		2017	90.490	18.623	19.096	52.407	364
		2018	94.997	18.087	19.002	57.484	424
		2019	79.399	16.618	16.835	45.550	396
		2020	91.580	17.000	18.180	56.000	400
9	Thạch Hà						
		2016	110.502	6.860	25.540	77.406	696
		2017	98.146	6.120	25.399	65.931	696
		2018	93.980	5.801	22.983	64.471	725
		2019	59.008	4.196	19.514	34.619	679
		2020	61.655	4.500	21.075	35.400	680
10	Cẩm Xuyên						
		2016	136.607	9.330	32.350	94.550	377
		2017	104.675	8.197	24.090	71.929	459
		2018	102.973	7.234	19.004	76.403	332
		2019	81.594	6.620	16.776	57.470	728
		2020	91.870	7.000	18.120	66.000	750
11	Kỳ Anh						
		2016	60.945	12.290	20.572	26.668	1.415
		2017	54.744	11.038	18.299	23.514	1.893
		2018	49.737	9.168	15.603	24.087	879
		2019	48.106	8.219	11.955	26.659	1.273
		2020	49.640	8.450	12.910	27.000	1.280
12	Lộc Hà						
		2016	25.267	2.829	10.017	12.138	283
		2017	26.634	2.848	9.844	13.501	441
		2018	24.112	2.876	9.769	10.989	478
		2019	22.010	2.477	8.477	10.801	255
		2020	23.515	2.600	9.155	11.500	260
13	TX Kỳ Anh						
		2016	21.004	4.928	6.378	9.346	352
		2017	17.998	4.362	6.326	6.715	595
		2018	18.135	3.289	6.040	8.312	494
		2019	18.735	2.679	5.345	10.504	207
		2020	17.990	3.000	5.770	9.000	220

**Bảng 2: Bảng tổng hợp số liệu dịch bệnh LMLM giai đoạn 2016 - 2020.**

(Kèm theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Tên xã *	Tên huyện	Ngày/tháng/năm có gia súc bị bệnh **	Loài gia súc bị bệnh ***	Số gia súc bệnh (con)	Số gia súc chết (con)	Số gia súc tiêu hủy (con)	Ghi chú
1	Cẩm Thạch	Cẩm Xuyên	1/5/2016	Trâu	2			
		Cẩm Xuyên	1/5/2017	bò	7			
		Cẩm Xuyên	12/27/2018	lợn	114		52	
		Cẩm Xuyên	1/20/2019	lợn	123		122	
2	Cẩm Mỹ	Cẩm Xuyên	2/11/2016	Trâu	2			
		Cẩm Xuyên	2/11/2017	bò	13			
		Cẩm Xuyên	11/18/2017	Trâu	1			
		Cẩm Xuyên	11/18/2017	bò	50			
		Cẩm Xuyên	1/3/2019	lợn	1		1	
3	Cẩm Quan	Cẩm Xuyên	2/10/2016	Trâu	14	1	1	
		Cẩm Xuyên	2/10/2017	bò	39		18	
		Cẩm Xuyên	2/10/2018	lợn	37			
		Cẩm Xuyên	4/7/2016	Trâu	4			
		Cẩm Xuyên	4/7/2017	bò	30			
4	TT. Cẩm Xuyên	Cẩm Xuyên	11/22/2017	bò	9			
		Cẩm Xuyên	12/31/2018	lợn	3		3	
		Cẩm Xuyên	1/3/2019	lợn	16		16	
5	Cẩm Duệ	Cẩm Xuyên	12/1/2017	Trâu	2			
		Cẩm Xuyên	12/1/2017	bò	17			
6	Cẩm Linh	Cẩm Xuyên	8/11/2017	Lợn	15		15	
7	Cẩm Nam	Cẩm Xuyên	12/20/2018	Lợn	64		64	
		Cẩm Xuyên	1/1/2019	Lợn	395		334	
8	Cẩm Thắng	Cẩm Xuyên	12/24/2018	Lợn	132		128	
		Cẩm Xuyên	1/1/2019	Lợn	268		263	
9	Cẩm Phúc	Cẩm Xuyên	12/25/2018	Lợn	226		170	
		Cẩm Xuyên	1/19/2019	Lợn	77		77	
10	Cẩm Yên	Cẩm Xuyên	12/20/2018	Lợn	64		64	
		Cẩm Xuyên	1/25/2019	Lợn	536		358	
11	TT. T.Cầm	Cẩm Xuyên	1/1/2019	Lợn	11		11	
12	Cẩm Thành	Cẩm Xuyên	1/3/2019	Lợn	194		175	
13	Cẩm Huy	Cẩm Xuyên	1/5/2019	Lợn	44		31	
14	Cẩm Hòa	Cẩm Xuyên	1/9/2019	Lợn	175		175	
15	Cẩm Vinh	Cẩm Xuyên	1/14/2019	Lợn	31		17	
16	Cẩm Thịnh	Cẩm Xuyên	11/4/2019	Bò	4			
17	Cẩm Hưng	Cẩm Xuyên	11/4/2019	Bò	24			
18	Tùng Lộc	Can Lộc	1/3/2016	Bò	4			
19	TT. Nghèn	Can Lộc	2/17/2017	Bò	10			
		Can Lộc	12/10/2018	Bò	5			
		Can Lộc	12/10/2018	Lợn	14			
20	Thiên Lộc	Can Lộc	9/1/2019	Bò	4			
		Can Lộc	12/20/2018	Trâu	7			
21	Vượng Lộc	Can Lộc	9/21/2017	Bò	5			
		Can Lộc	2/18/2018	Bò	11			

TT	Tên xã *	Tên huyện	Ngày/tháng/năm có gia súc bị bệnh **	Loài gia súc bị bệnh ***	Số gia súc bị bệnh (con)	Số gia súc chết (con)	Số gia súc tiêu hủy (con)	Ghi chú
		Can Lộc	2/18/2018	Trâu	1			
		Can Lộc	1/1/2019	Lợn	18		18	
		Can Lộc	2/18/2019	Lợn	38		5	
		Can Lộc	11/18/2019	Bò	1			
22	Thường Nga	Can Lộc	1/28/2018	Lợn	12		12	
		Can Lộc	3/27/2019	Lợn	5		5	
23	Tiến Lộc	Can Lộc	12/15/2018	Bò	2			
24	Thượng Lộc	Can Lộc	12/21/2018	Bò	13			
		Can Lộc	12/21/2018	Trâu	1			
25	Xuân Lộc	Can Lộc	12/12/2018	Bò	2			
		Can Lộc	12/12/2018	Lợn	11		11	
26	Khánh Lộc	Can Lộc	12/25/2018	Lợn	9		9	
27	Đồng Lộc	Can Lộc	1/1/2019	Bò	1			
28	Sơn Lộc	Can Lộc	1/3/2019	Lợn	4		4	
29	Trung Lộc	Can Lộc	2/24/2019	Lợn	6			
30	Thuần Thiện	Can Lộc	10/13/2019	Trâu	4			
		Can Lộc	10/13/2019	Bò	5			
31	Mỹ Lộc	Can Lộc	11/17/2019	Bò	16			
32	Phú Lộc	Can Lộc	1/18/2020	Bò	1			
33	Khánh Vĩnh Yên	Can Lộc	3/12/2020	Trâu	4			Xã mới sát nhập từ 3 xã Khánh Lộc, Vĩnh Lộc, Yên Lộc
			3/13/2020	Lợn	1			
34	Đậu Liêu	Hồng Lĩnh	1/6/2016	Bò	6			
		Hồng Lĩnh	1/25/2017	Bò	3			
		Hồng Lĩnh	11/9/2017	Bò	1			
		Hồng Lĩnh	11/9/2017	Lợn	18			
		Hồng Lĩnh	2/3/2018	Trâu	2			
		Hồng Lĩnh	2/3/2018	Bò	8			
		Hồng Lĩnh	10/23/2019	Bò	5			
35	Nam Hồng	Hồng Lĩnh	6/8/2017	Bò	2			
		Hồng Lĩnh	3/23/2018	Bò	3			
		Hồng Lĩnh	12/20/2018	Lợn	14		14	
		Hồng Lĩnh	3/6/2020	Lợn	3		3	Tại lò mổ
36	Đức Thuận	Hồng Lĩnh	1/25/2017	Trâu	2			
37	Bắc Hồng	Hồng Lĩnh	2/1/2017	Trâu	3			
		Hồng Lĩnh	6/8/2017	Bò	2			
38	Thịnh Lộc	Lộc Hà	1/18/2016	bò	4			
		Lộc Hà	4/6/2018	Bò	5			
39	Hồng Lộc	Lộc Hà	1/18/2016	bò	2			
		Lộc Hà	4/6/2018	Bò	7			
40	Tân Lộc	Lộc Hà	4/25/2016	Trâu	5			
		Lộc Hà	4/25/2016	bò	1			
41	Thạch Bằng	Lộc Hà	12/17/2016	bò	9			
42	Mai Phụ	Lộc Hà	1/27/2019	Lợn	12		7	
43	Sơn Trường	Hương Sơn	1/30/2016	Lợn	12		12	
44	Sơn Lẽ	Hương Sơn	11/1/2017	Trâu	1			
		Hương Sơn	11/1/2017	Bò	25			

TT	Tên xã *	Tên huyện	Ngày/tháng/năm có gia súc bị bệnh **	Loài gia súc bị bệnh ***	Số gia súc bệnh (con)	Số gia súc chết (con)	Số gia súc tiêu hủy (con)	Ghi chú
45	Sơn Trung	Hương Sơn	1/19/2018	Lợn	1		1	
46	Sơn Thùy	Hương Sơn	1/16/2018	Trâu	12			
		Hương Sơn	1/16/2018	Bò	25			
47	Sơn Kim 1	Hương Sơn	4/4/2018	Bò	11			
48	Sơn Kim 2	Hương Sơn	12/21/2018	Bò	8			
		Hương Sơn	1/18/2020	Trâu	1			
		Hương Sơn	1/18/2020	Bò	1			
49	Sơn Long	Hương Sơn	3/17/2019	Lợn	1		1	
		Hương Sơn	6/6/2019	Bò	10			
		Hương Sơn	6/6/2019	Lợn	3		3	
50	Sơn Hồng	Hương Sơn	10/24/2019	Trâu	7	2	2	
		Hương Sơn	10/24/2019	Bò	57	4	4	
49	Sơn Tây	Hương Sơn	12/28/2019	Trâu	5			
		Hương Sơn	12/28/2019	Bò	10			
50	Kỳ Phú	Kỳ Anh	2/12/2016	Trâu	18			
		Kỳ Anh	2/12/2016	bò	40			
51	Kỳ Lâm	Kỳ Anh	2/19/2016	bò	18			
		Kỳ Anh	10/29/2019	Trâu	3			
		Kỳ Anh	10/29/2019	bò	49			
52	Kỳ Hợp	Kỳ Anh	4/3/2016	bò	16			
	Lâm Hợp	Kỳ Anh	2/8/2020	bò	51			Xã mới sát nhập từ 2 xã Kỳ Lâm và Kỳ Hợp
53	Kỳ Thượng	Kỳ Anh	5/9/2016	bò	15			
54	Kỳ Tân	Kỳ Anh	11/3/2017	Trâu	2			
		Kỳ Anh	11/3/2017	bò	12			
		Kỳ Anh	11/3/2019	Bò	3			
55	Kỳ Bắc	Kỳ Anh	11/2/2017	Bò	15			
56	Kỳ Châu	Kỳ Anh	11/3/2017	bò	8			
57	Kỳ Văn	Kỳ Anh	11/14/2017	Lợn	7		7	
		Kỳ Anh	12/1/2018	Trâu	18			
		Kỳ Anh	12/1/2018	Bò	23			
		Kỳ Anh	10/30/2019	Bò	7			
		Kỳ Anh	12/27/2018	Lợn	20		17	
58	Kỳ Hợp	Kỳ Anh	11/14/2017	Bò	4			
59	Kỳ Sơn	Kỳ Anh	2/16/2019	Lợn	39		8	
60	Kỳ Trung	Kỳ Anh	11/1/2019	Trâu	3			
		Kỳ Anh	11/1/2019	bò	24			
61	Kỳ Lạc	Kỳ Anh	11/1/2019	Trâu	26			
		Kỳ Anh	11/1/2019	bò	37			
62	Kỳ Tây	Kỳ Anh	11/2/2019	Trâu	7			
		Kỳ Anh	11/2/2019	bò	75			
63	Kỳ Đồng	Kỳ Anh	11/4/2019	Bò	6			
64	Thạch Lưu	Thạch Hà	2/22/2016	Trâu	9			
		Thạch Hà	2/22/2016	bò	20			
65	Thạch Đinh	Thạch Hà	12/7/2017	Trâu	1			
		Thạch Hà	12/7/2017	bò	29			
		Thạch Hà	3/11/2018	Trâu	6			

TT	Tên xã *	Tên huyện	Ngày/tháng/năm có gia súc bị bệnh **	Loài gia súc bị bệnh ***	Số gia súc bệnh (con)	Số gia súc chết (con)	Số gia súc tiêu hủy (con)	Ghi chú
		Thạch Hà	3/11/2018	bò	1			
		Thạch Hà	11/26/2019	bò	5			
66	Thạch Long	Thạch Hà	12/7/2017	bò	10			
67	TT. Thạch Hà	Thạch Hà	12/11/2017	Trâu	3			
		Thạch Hà	12/11/2017	bò	17			
68	Thạch Khê	Thạch Hà	12/11/2017	bò	13			
		Thạch Hà	1/22/2019	Lợn	25		16	
69	Thạch Thanh	Thạch Hà	12/15/2017	bò	10			
70	Thạch Vĩnh	Thạch Hà	12/21/2017	Trâu	2			
		Thạch Hà		bò	10			
71	Thạch Sơn	Thạch Hà	12/21/2017	bò	3			
72	Thạch Trị	Thạch Hà	12/26/2017	bò	1			
		Thạch Hà	1/26/2018	Lợn	23		23	
73	Thạch Lạc	Thạch Hà	12/27/2017	Trâu	1			
		Thạch Hà	12/27/2017	bò	4			
		Thạch Hà	1/17/2019	Lợn	43		20	
74	Bắc Sơn	Thạch Hà	12/27/2017	Trâu	3			
75	Thạch Hải	Thạch Hà	12/30/2017	Bò	3			
76	Thạch Ngọc	Thạch Hà	2/25/2018	Bò	4			
		Thạch Hà	12/29/2018	Lợn	61		17	
77	Thạch Hội	Thạch Hà	2/25/2018	Trâu	4			
		Thạch Hà	2/25/2018	Bò	6			
		Thạch Hà	2/25/2018	Lợn	31		31	
		Thạch Hà	1/1/2019	Lợn	834		481	
78	Thạch Bàn	Thạch Hà	12/30/2017	Bò	5			
79	Thạch Văn	Thạch Hà	12/21/2018	Trâu	1			
		Thạch Hà	12/21/2018	Lợn	102		66	
80	Đức Tùng	Đức Thọ	3/10/2016	bò	4			
81	Đức Lập	Đức Thọ	1/23/2017	Trâu	4			
		Đức Thọ	1/23/2017	bò	16	1	1	
82	Đức Lạng	Đức Thọ	3/24/2017	bò	8			
83	Đức Lang	Đức Thọ	10/28/2017	bò	20			
84	Thái Yên	Đức Thọ	10/12/2017	bò	18			
85	Tùng Ánh	Đức Thọ	11/4/2017	Trâu	4			
		Đức Thọ	11/4/2017	bò	13			
		Đức Thọ	1/1/2019	Lợn	8		8	
86	Đức Long	Đức Thọ	10/31/2017	bò	24			
		Đức Thọ	10/31/2017	Lợn	1			
87	Đức Hòa	Đức Thọ	11/18/2017	bò	9			
88	Đức Hòa	Đức Thọ	12/25/2017	bò	6			
89	Thị trấn ĐT	Đức Thọ	11/17/2017	Trâu	6			
		Đức Thọ	11/17/2017	bò	2			
90	Đức Yên	Đức Thọ	12/3/2017	bò	9			
91	Bùi Xá	Đức Thọ	12/1/2017	Trâu	1			
		Đức Thọ	12/1/2017	bò	2			
92	Đức Lạc	Đức Thọ	1/10/2018	bò	7			
93	Đức La	Đức Thọ	11/20/2019	Trâu	19			
94	Thạch Quý	T.P Hà Tĩnh	27/3/2016	bò	3			

TT	Tên xã *	Tên huyện	Ngày/tháng/năm có gia súc bị bệnh **	Loài gia súc bị bệnh ***	Số gia súc bệnh (con)	Số gia súc chết (con)	Số gia súc tiêu hủy (con)	Ghi chú
95	Thạch Linh	T.P Hà Tĩnh	29/3/2016	bò	6			
96	Thạch Hưng	T.P Hà Tĩnh	29/3/2016	bò	6			
97	Thạch Đồng	T.P Hà Tĩnh	1/4/2016	bò	3			
		T.P Hà Tĩnh	11/9/2017	lợn	18		18	
98	Đại Nài	T.P Hà Tĩnh	5/1/2019	lợn	6		6	
99	Xuân Hồng	Nghi Xuân	17/6/2016	Trâu	20			
		Nghi Xuân	17/6/2016	bò	3			
100	Hương Thủy	Hương Khê	8/25/2017	bò	32			
		Hương Khê	8/25/2017	lợn	7			
		Hương Khê	11/20/2019	Trâu	2			
		Hương Khê	11/20/2019	Bò	20			
101	Hương Giang	Hương Khê	8/28/2017	Trâu	1			
		Hương Khê	8/28/2017	bò	6			
102	Gia Phố	Hương Khê	9/5/2017	Trâu	2			
		Hương Khê	9/5/2017	bò	12			
		Hương Khê	9/5/2017	lợn	15		15	
		Hương Khê	10/25/2017	Trâu	4			
		Hương Khê	10/25/2017	bò	19			
		Hương Khê	12/10/2017	lợn	56		56	
		Hương Khê	3/16/2018	lợn	13		13	
		Hương Khê	1/3/2019	lợn	23		23	
		Hương Khê	10/31/2019	Trâu	4			
		Hương Khê	10/31/2019	bò	8			
103	Phú Phong	Hương Khê	10/25/2017	Trâu	4			
		Hương Khê	10/25/2017	Bò	23			
		Hương Khê	10/25/2017	Lợn	5			
104	Hương Xuân	Hương Khê	10/26/2017	Trâu	5			
		Hương Khê	10/26/2017	bò	23			
		Hương Khê	10/26/2017	lợn	2		2	
105	Hà Linh	Hương Khê	5/15/2018	bò	111			
106	Phương Mỹ	Hương Khê	5/30/2018	Trâu	5			
		Hương Khê	5/30/2018	bò	14			
107	Hương Lâm	Hương Khê	12/23/2018	Lợn	13			
108	Hương Liên	Hương Khê	2/14/2019	Trâu	36			
		Hương Khê	2/14/2019	bò	9			
109	Phúc Đồng	Hương Khê	10/31/2019	Trâu	9			
		Hương Khê	10/31/2019	bò	20			
110	Hương Trạch	Hương Khê	11/30/2019	bò	12			
111	Kỳ Ninh	TX. Kỳ Anh	10/14/2017	bò	17			

UBND TỈNH HÀ TĨNH 

**Bảng 3: Bảng tổng hợp số liệu tiêm phòng**

*(Kèm theo Báo cáo số 158 /BC-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

TT	Tên huyện	Năm **	Loài gia súc được tiêm phòng ***	Loại vắc xin ****	Tổng số liều vắc xin đã tiêm (liều)	Số liều vắc xin do Trung ương cấp (liều)	Số liều vắc xin do địa phương cấp (liều)	Số liều vắc xin do người dân tự mua (liều)
1	Đức Thọ	2016	Trâu Bò	aftovax	21225		21225	
		2017	Trâu Bò	aftovax	16350		16350	
		2018	Trâu Bò	aftovax	21849		21849	
		2019	Trâu Bò	aftovo	16200		16200	
		2020	Trâu Bò	aftogen oleo	6000		6000	
2	Kỳ Anh	2016	Trâu Bò	aftovax	22100		22100	
		2017	Trâu Bò	aftovax	17375		17375	
		2018	Trâu Bò	aftovax	16500		16500	
		2019	Trâu Bò	aftovax	17250		17250	
		2020	Trâu Bò	aftogen oleo	5000		5000	
3	TX Kỳ Anh	2016	Trâu Bò	aftovax	8540		8540	
		2017	Trâu Bò	aftovax	9350		9350	
		2018	Trâu Bò	aftovax	10451		10451	
		2019	Trâu Bò	aftovo	8495		8495	
		2020	Trâu Bò	aftogen oleo	5000		5000	
4	Thạch Hà	2016	Trâu Bò	aftovax	33090		33090	
		2017	Trâu Bò	aftovax	24196		-24196	
		2018	Trâu Bò	aftovax	26269		26269	
		2019	Trâu Bò	aftovo	20135		20135	
		2020	Trâu Bò	aftogen oleo				
5	Lộc Hà	2016	Trâu Bò	aftovax	16296		16296	
		2017	Trâu Bò	aftovax	12406		12406	
		2018	Trâu Bò	aftovax	14496		14496	
		2019	Trâu Bò	aftovax	11372		11372	
		2020	Trâu Bò	aftogen oleo	5000		5000	
6	Can Lộc	2016	Trâu Bò	aftovax	27538		27538	
		2017	Trâu Bò	aftovax	21523		21523	
		2018	Trâu Bò	aftovax	27102		27102	
		2019	Trâu Bò	aftovo	26949		26949	
		2020	Trâu Bò	aftogen oleo	10000		10000	
7	TX Hồng Lĩnh	2016	Trâu Bò	aftovax	4388		4388	

		2017	Trâu Bò	aftovax	3848		3848	
		2018	Trâu Bò	aftovax	2525		2525	
		2019	Trâu Bò	aftovo	861		861	
		2020	Trâu Bò	aftogen oleo	1000		1000	
8	Huong Sơn	2016	Trâu Bò	aftovax	48525	48525		
		2017	Trâu Bò	aftovax	51492	51492		
		2018	Trâu Bò	aftovax	50513	50513		
		2019	Trâu Bò	aftovo type O	46515	46515		
		2020	Trâu Bò	aftovo type O	21725	21725		
9	Vũ Quang	2016	Trâu Bò	aftovax	17800	17800		
		2017	Trâu Bò	aftovax	18445	18445		
		2018	Trâu Bò	aftovax	16170	16170		
		2019	Trâu Bò	aftovo type O	14500	14500		
		2020	Trâu Bò	aftovo type O	8000	8000		
10	Hương Khê	2016	Trâu Bò	aftovax	41375	41375		
		2017	Trâu Bò	aftovax	44152	44152		
		2018	Trâu Bò	aftovax	39132	39132		
		2019	Trâu Bò	aftovo	38898	38898		
		2020	Trâu Bò	aftovo type O	16258	16258		
11	Nghi Xuân	2016	Trâu Bò	aftovax	17307		17307	
		2017	Trâu Bò	aftovax	14438		14438	
		2018	Trâu Bò	aftovax	15811		15811	
		2019	Trâu Bò	aftovo	14476		14476	
		2020	Trâu Bò	aftogen oleo	6600		6600	
12	TP Hà Tĩnh	2016	Trâu Bò	aftovax	4444		4444	
		2017	Trâu Bò	aftovax	4080		4080	
		2018	Trâu Bò	aftovax	2850		2850	
		2019	Trâu Bò	aftovo	2369		2369	
		2020	Trâu Bò	aftogen oleo	1000		1000	
13	Cẩm Xuyên	2016	Trâu Bò	aftovax	10700		10700	
		2017	Trâu Bò	aftovax	23060		23060	
		2018	Trâu Bò	aftovax	24055		24055	
		2019	Trâu Bò	aftovo	23118		23118	
		2020	Trâu Bò	aftogen oleo	6800		6800	

UBND TỈNH HÀ TĨNH 

Bảng 4: Bảng tổng hợp số liệu giám sát sau tiêm phòng, giai đoạn 2016 - 2020

(Kèm theo Báo cáo số / 18/BC-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Tên xã *	Tên huyện	Năm **	Loài gia súc được lấy mẫu xét nghiệm ***	Tổng số mẫu xét nghiệm	Tổng số mẫu dương tính	Phương pháp xét nghiệm ****	Ghi chú
1	Kỳ Văn	Kỳ Anh	2019	Trâu Bò	20	20	Eliza	
2	Kỳ Khang	Kỳ Anh	2019	Trâu Bò	20	20	Eliza	
3	Sơn Hồng	Hương Sơn	2019	Trâu Bò	20	20	Eliza	
4	Sơn Kim 2	Hương Sơn	2019	Trâu Bò	20	20	Eliza	
5	Hà Linh	Hương Khê	2019	Trâu Bò	20	20	Eliza	
6	Phương Mỹ	Hương Khê	2019	Trâu Bò	20	20	Eliza	
7	Thị trấn	Cẩm Xuyên	2019	Trâu Bò	20	20	Eliza	
8	Cẩm Quan	Cẩm Xuyên	2019	Trâu Bò	20	20	Eliza	

Ghi chú: Mẫu huyết thanh

UBND TỈNH HÀ TĨNH

**Bảng 5: Bảng tổng hợp số liệu giám sát lưu hành vi rút, bệnh LMLM, giai đoạn 2016 - 2020**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /5/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Tên xã *	Tên huyện	Năm **	Loài gia súc được lấy mẫu xét nghiệm ***	Loại mẫu xét nghiệm ****	Tổng số mẫu xét nghiệm	Tổng số mẫu dương tính	Phương pháp xét nghiệm *****	Ghi chú
1	Thạch Hương	Thạch Hà	2019	Lợn	29	29	0	LMLM - 3ABC	
2	Tân Lộc	Lộc Hà	2019	Lợn	29	29	0	LMLM - 3ABC	
3	Thị trấn Nghèn	Can Lộc	2019	Lợn	29	29	0	LMLM - 3ABC	
4	Thị trấn Cẩm Xuyên	Cẩm Xuyên	2019	Lợn	29	29	0	LMLM - 3ABC	

UBND TỈNH HÀ TĨNH